

# THỰC TRẠNG THÁI ĐỘ VỀ CÁC BIỆN PHÁP TRÁNH THAI CỦA NỮ SINH VIÊN ĐIỀU DƯỠNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC THÁI BÌNH NĂM 2024

My Thị Hải<sup>1</sup>, Nguyễn Thị Phương<sup>1</sup>

## TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả thực trạng thái độ về các biện pháp tránh thai của nữ sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2024 và tìm hiểu một số yếu tố liên quan. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang trên 240 nữ sinh viên điều dưỡng chính quy của trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2024. Bộ câu hỏi bao gồm 29 câu trong đó phần thông tin chung 6 câu, 23 câu thái độ về các biện pháp tránh thai. **Kết quả:** 240 sinh viên điều dưỡng tham gia nghiên cứu trong đó có 45,8% sinh viên có thái độ tốt về các biện pháp tránh thai. Điểm trung bình chung thái độ về biện pháp tránh thai của đối tượng nghiên cứu là  $67,7 \pm 6,5$ . Sinh viên năm thứ ba, tư có thái độ tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với sinh viên năm thứ nhất, hai. Kết quả nghiên cứu cũng cho thấy sinh viên ở cùng gia đình có thái độ tốt về biện pháp tránh thai cao hơn so với sinh viên không sống cùng gia đình, tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với  $p > 0,05$ . **Kết luận:** Sinh viên có thái độ về biện pháp tránh thai còn chưa đầy đủ. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê về nhóm sinh viên thái độ tốt với yếu tố năm học của sinh viên. **Từ khóa:** Các biện pháp tránh thai, thái độ, sinh viên điều dưỡng.

## SUMMARY

### THE STATUS ATTITUDE OF FEMALE NURSING STUDENTS ABOUT CONTRACEPTIVE METHODS AT THAIBINH UNIVERSITY OF MEDICINE AND PHARMACY IN 2024

**Objective:** Describe the status attitude about contraception of female nursing students at Thai Binh University of medicine and pharmacy in 2024 and find out some related factors. **Subjects and methods:** Cross-sectional descriptive study on 240 female nursing students at Thai Binh University of medicine and pharmacy in 2024. The questionnaire includes 29 questions, including 6 general information questions and 23 attitude questions about contraception. **Results:** 240 students participated in the study in which 45.8% of students have good attitudes about contraceptive methods. The overall average attitude score about contraceptives of the study subjects was  $67.7 \pm 6.5$ . Third and fourth year students have better attitude about contraceptive methods than first and second year students. Research results also show that students who live with their families have a higher attitude toward contraception than students who do

not live with their families, but the difference is not statistically significant with  $p > 0.05$ . **Conclusion:** Students' attitude about contraceptive methods is not complete. There is a statistically significant difference in the group of students with good attitudes depending on the student's year of study.

**Keywords:** Contraception methods; Attitude; Nursing students.

## I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Tại Việt Nam, theo tổ chức Quỹ Nhi đồng Liên Hợp Quốc năm 2021, số ca mang thai ngoài ý muốn chiếm hơn nửa số ca phá thai và tới 8,9% ca phá thai liên quan đến việc sử dụng thất bại biện pháp tránh thai [7]. Nguyên nhân của thực trạng trên là do lứa tuổi vị thành niên/thanh niên chưa trưởng thành về tâm lý, xã hội; ngoài ra, môi trường sống có những ảnh hưởng tiêu cực đến thái độ và hành vi của vị thành niên/thanh niên. Bên cạnh đó, thái độ của vị thành niên/thanh niên về sức khỏe sinh sản nói chung, về việc sử dụng các biện pháp tránh thai nói riêng chưa đúng, chưa đầy đủ. Nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong và cộng sự cho thấy có 51,3% sinh viên sử dụng biện pháp tránh thai khi quan hệ tình dục [3]. Theo nghiên cứu của tác giả Hoàng Thị Bắc và cộng sự (2020) [1] khảo sát tại trường Đại học kỹ thuật y tế Hải Dương cho thấy tỷ lệ sinh viên có thái độ tốt về biện pháp tránh thai là 43,7%. Nghiên cứu khác tại Malaysia năm 2019 kết quả có tới 59,2% có thái độ tiêu cực về biện pháp tránh thai [6]. Phần lớn các nghiên cứu đều cho thấy thái độ của nhóm thanh thiếu niên về biện pháp tránh thai vẫn chưa cao, ảnh hưởng đến tỷ lệ phá thai do mang thai ngoài ý muốn gia tăng hàng năm đồng thời nguy cơ mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục cũng ngày càng cao [4], [6].

Trường Đại học Y Dược Thái Bình là trường chuyên đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực cán bộ y tế chất lượng cao cho ngành Y tế trong đó có điều dưỡng. Để góp phần nâng cao hiệu quả của chương trình đào tạo Điều dưỡng tại trường và đề xuất những giải pháp cụ thể giúp sinh viên có cái nhìn đầy đủ và tích cực hơn về các biện pháp tránh thai, chúng tôi thực hiện nghiên cứu đề tài trên với mục tiêu: *Mô tả thực trạng thái độ về các biện pháp tránh thai của nữ sinh viên điều dưỡng trường Đại học Y Dược Thái Bình năm 2024 và tìm hiểu một số yếu tố liên quan.*

<sup>1</sup>Trường Đại học Y Dược Thái Bình

Chịu trách nhiệm chính: My Thị Hải

Email: mythihai@gmail.com

Ngày nhận bài: 4.2.2025

Ngày phản biện khoa học: 20.3.2025

Ngày duyệt bài: 14.4.2025

## II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 2.1. Đối tượng, địa điểm và thời gian nghiên cứu

**2.1.1. Đối tượng nghiên cứu.** Nữ sinh viên điều dưỡng chính quy đang học tại trường Đại học Y Dược Thái Bình.

#### ❖ Tiêu chuẩn chọn vào:

- Nữ sinh viên điều dưỡng chính quy đang học tại trường Đại học Y Dược Thái Bình.

- Sinh viên đồng ý tham gia nghiên cứu

#### ❖ Tiêu chuẩn loại trừ:

- Sinh viên đã lập gia đình.

- Sinh viên từ chối tham gia nghiên cứu.

**2.1.2. Địa điểm nghiên cứu.** Trường Đại học Y Dược Thái Bình

**2.1.3. Thời gian nghiên cứu.** Từ tháng 03/2024 – 06/2024

### 2.2. Phương pháp nghiên cứu

**2.2.1. Thiết kế nghiên cứu.** Nghiên cứu mô tả cắt ngang

#### 2.2.2. Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu

\* Cỡ mẫu:

❖ Công thức tính cỡ mẫu:

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{d^2} \times \frac{1}{1 - Z^2 \frac{p(1-p)}{d^2}}$$

Trong đó: n: cỡ mẫu nghiên cứu

$Z(1-\alpha/2) = 1,96$  với độ tin cậy 95%

$p = 0,32$  (dựa theo kết quả nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Bình và cộng sự (2023) tỷ lệ sinh viên có thái độ tốt là 32% [2].

d: độ chính xác mong muốn ước lượng, chọn  $d = 0,06$ . Thay vào công thức ta có  $n = 232$

Do đó cỡ mẫu tối thiểu trong nghiên cứu của chúng tôi là 232 sinh viên. Qua quá trình nghiên cứu 240 sinh viên đủ tiêu chuẩn chọn mẫu tham gia vào nghiên cứu. Cỡ mẫu cho mỗi khối lớp điều dưỡng là 60 sinh viên.

\* Phương pháp chọn mẫu:

- Chọn mẫu có chủ đích

- Lập danh sách sinh viên theo từng khối lớp và đánh số thứ tự.

- Làm phiếu bốc thăm theo số thứ tự của sinh viên

- Bốc thăm ngẫu nhiên 60 phiếu cho từng khối lớp

#### 2.2.3. Các biến số trong nghiên cứu.

Năm học, nơi ở, dân tộc, tôn giáo, tình yêu, nguồn cung cấp thông tin, thái độ của sinh viên về các biện pháp tránh thai.

**2.2.4. Tiêu chuẩn đánh giá kiến thức về các biện pháp tránh thai.** Bộ câu hỏi và các thang điểm đánh giá được xây dựng dựa trên nghiên cứu của tác giả Nguyễn Thanh Phong và cộng sự [3].

Dựa vào 23 câu hỏi về thái độ; mỗi câu hỏi được đánh giá theo thang điểm Likert (1- Rất đồng ý; 2- Đồng ý; 3- Không đồng ý; 4- Rất không đồng ý). Các câu trả lời của mỗi câu hỏi được cho điểm từ 1 đến 4. Tính tổng điểm của 23 câu hỏi, sau đó đánh giá thái độ theo thang điểm cụ thể như sau:

| TT | Phân loại thái độ    | Số điểm thái độ<br>(Điểm tối đa 92 điểm) |
|----|----------------------|------------------------------------------|
| 1  | Tốt ( $\geq 75\%$ )  | $\geq 69$                                |
| 2  | Chưa tốt ( $<75\%$ ) | $< 69$                                   |

### 2.2.5. Công cụ và phương pháp thu thập số liệu

\* Công cụ thu thập số liệu: Thu thập số liệu bằng bộ câu hỏi tự điền gồm 2 phần:

Phần 1: Thông tin chung của đối tượng nghiên cứu (6 câu hỏi).

Phần 2: Thái độ của sinh viên về các biện pháp tránh thai (23 câu hỏi)

\* Phương pháp thu thập số liệu:

- Nghiên cứu sử dụng bộ câu hỏi tự điền.

- Liên hệ phòng Đào tạo Đại học lấy danh sách sinh viên. Đánh số thứ tự và làm phiếu bốc thăm ngẫu nhiên 60 phiếu cho từng khối lớp. Thông báo và giải thích cho sinh viên về nghiên cứu, sinh viên đồng ý tham gia được tổ chức điều tra theo khối lớp.

- Phiếu điều tra đảm bảo bí mật quyền riêng tư của đối tượng nghiên cứu.

- Phát phiếu điều tra, mỗi sinh viên có khoảng thời gian 10-15 phút để tự hoàn thành. Sau khi hoàn thành, sinh viên sẽ nộp lại bộ câu hỏi điều tra của mình cho nghiên cứu viên.

**2.2.6. Phương pháp xử lý số liệu.** Các kết quả được phân tích theo phương pháp thống kê y học bằng phần mềm thống kê SPSS 20.0.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

Sau khi thu thập và phân tích số liệu nghiên cứu thu được kết quả như sau:



**Biểu đồ 1. Mức độ thái độ của nữ sinh viên điều dưỡng về các biện pháp tránh thai**

**Nhận xét:** Kết quả nghiên cứu có 45,8% sinh viên có thái độ tốt về các biện pháp tránh thai.

**Bảng 1: Điểm trung bình thái độ về biện pháp tránh thai của đối tượng nghiên cứu (n=240)**

| Nội dung | TB ± ĐLC (Min – Max) |
|----------|----------------------|
| Thái độ  | 67,7 ± 6,5 (49 – 83) |

**Nhận xét:** Kết quả cho thấy điểm trung bình chung thái độ về biện pháp tránh thai của đối tượng nghiên cứu là 67,7 ± 6,5.

**Bảng 2. Môi liên quan giữa thái độ về biện pháp tránh thai và năm học, nơi ở (n=240)**

| Đặc điểm chung    | Thái độ       |                    | OR<br>(95% CI)      | p      |
|-------------------|---------------|--------------------|---------------------|--------|
|                   | Tốt<br>SL (%) | Chưa tốt<br>SL (%) |                     |        |
| Năm học           |               |                    |                     |        |
| Năm thứ ba, tư    | 77(64,2)      | 43(35,8)           | 4,72<br>(2,73-8,16) | < 0,05 |
| Năm thứ nhất, hai | 33(27,5)      | 87(72,5)           |                     |        |
| Nơi ở             |               |                    |                     |        |
| Cùng gia đình     | 17(48,6)      | 18(51,4)           | 1,14<br>(0,56-2,33) | > 0,05 |
| Khác              | 93(45,4)      | 112(54,6)          |                     |        |

**Nhận xét:** Sinh viên năm thứ ba, tư có thái độ tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với năm thứ nhất, hai. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$  (OR= 4,72; 95%CI: 2,73 – 8,16).

Sinh viên ở cùng gia đình có thái độ tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với nhóm không sống cùng gia đình, sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với  $p > 0,05$  (OR= 1,14; 95%CI: 0,56 – 2,33).

**Bảng 5. Môi liên quan giữa thái độ về biện pháp tránh thai và nguồn cung cấp thông tin (n = 240)**

| Nguồn cung cấp thông tin       |       | Thái độ    |                 | OR (95% CI)      | p      |
|--------------------------------|-------|------------|-----------------|------------------|--------|
|                                |       | Tốt SL (%) | Chưa tốt SL (%) |                  |        |
| Báo chí, truyền hình, internet | Có    | 97 (51,3)  | 92 (48,7)       | 3,08 (1,54-6,15) | < 0,05 |
|                                | Không | 13 (25,5)  | 38 (74,5)       |                  |        |
| Bạn bè, gia đình               | Có    | 57 (49,1)  | 59 (50,9)       | 1,29 (0,78-2,15) | > 0,05 |
|                                | Không | 53 (42,7)  | 71 (57,3)       |                  |        |
| Trung tâm tư vấn               | Có    | 42 (46,7)  | 48 (53,3)       | 1,06 (0,63-1,78) | > 0,05 |
|                                | Không | 68 (45,3)  | 82 (54,7)       |                  |        |
| Trường học                     | Có    | 99 (47,6)  | 109 (52,4)      | 1,73 (0,79-3,78) | > 0,05 |
|                                | Không | 11 (34,4)  | 21 (65,6)       |                  |        |

**Nhận xét:** Sinh viên nhận thông tin về biện pháp tránh thai và sức khỏe sinh sản từ báo chí/truyền hình; internet có thái độ tốt cao hơn so với các sinh viên khác, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$  (OR= 3,08; 95%CI: 1,54 – 6,15).

Sinh viên nhận thông tin về biện pháp tránh thai từ bạn bè, gia đình, trung tâm tư vấn và trường học có thái độ cao hơn so với sinh viên khác tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với  $p > 0,05$ .

#### IV. BÀN LUẬN

Kết quả nghiên cứu trên 240 sinh viên có

**Bảng 3. Môi liên quan giữa thái độ về biện pháp tránh thai và tôn giáo, dân tộc (n=240)**

| Đặc điểm chung của ĐTNC | Thái độ    |                 | OR (95% CI) | p    |
|-------------------------|------------|-----------------|-------------|------|
|                         | Tốt SL (%) | Chưa tốt SL (%) |             |      |
| Tôn giáo                |            |                 |             |      |
| Có                      | 6(33,3)    | 12(66,7)        | 0,57        | >    |
| Không                   | 104(46,8)  | 118(53,2)       | (0,21-1,57) | 0,05 |
| Dân tộc                 |            |                 |             |      |
| Kinh                    | 103(46,0)  | 121(54,0)       | 1,09        | >    |
| Khác                    | 7(43,8)    | 9(56,2)         | (0,39-3,04) | 0,05 |

**Nhận xét:** Sự khác biệt về thái độ của sinh viên và yếu tố dân tộc, tôn giáo không có ý nghĩa thống kê ( $p > 0,05$ ).

**Bảng 4. Môi liên quan giữa thái độ về biện pháp tránh thai và người yêu (n = 240)**

| Đặc điểm chung | Thái độ       |                    | OR<br>(95% CI) | p     |
|----------------|---------------|--------------------|----------------|-------|
|                | Tốt<br>SL (%) | Chưa tốt<br>SL (%) |                |       |
| Người yêu      |               |                    |                |       |
| Có/Đã có       | 46(47,9)      | 50(52,1)           | 1,45           | >0,05 |
| Chưa có        | 64(44,4)      | 80(55,6)           | (0,49-4,32)    |       |

**Nhận xét:** Sinh viên có/đã có người yêu có thái độ tốt về biện pháp tránh thai cao hơn so với nhóm chưa có người yêu, tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với  $p > 0,05$  (OR= 1,45; 95%CI: 0,49 – 4,32).

45,8% sinh viên có thái độ về các biện pháp tránh thai đạt loại tốt. Kết quả tương tự nghiên cứu của Hoàng Thị Bắc [1] nhưng cao hơn so với nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong và cộng sự [3] chỉ có 10,5% sinh viên có thái độ tốt. tác giả Ahmed F.A. và cộng sự (2012) [5] nghiên cứu trên 368 SV nữ tại Ethiopian cho thấy có 32,3% đã có một thái độ tích cực đối với biện pháp tránh thai khẩn cấp. Điểm trung bình chung thái độ về biện pháp tránh thai của đối tượng nghiên cứu là 67,7 ± 6,5. Kết quả cho thấy sinh viên vẫn chưa thực sự thoải mái khi tiếp cận cũng như tin tưởng vào hiệu quả và độ an toàn của các biện pháp tránh thai. Nhiệm vụ quan trọng hàng đầu

hiện nay là phải nâng cao nhận thức, thái độ về các biện pháp tránh thai của sinh viên nói riêng và vị thành niên nói chung để ngăn chặn những hậu quả gây ra như có thai ngoài ý muốn, nạo phá thai, mắc các bệnh lây truyền qua đường tình dục.

Khi tiến hành tìm hiểu các yếu tố liên quan đến thái độ về các biện pháp tránh thai, kết quả cho thấy sinh viên năm thứ ba, tư có thái độ tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với năm thứ nhất, hai. Sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ . Nghiên cứu của Hoàng Thị Bắc và cộng sự [1] cũng cho kết quả tương tự. Lý giải cho sự khác biệt này có thể là do đối tượng nghiên cứu của chúng tôi là sinh viên điều dưỡng, trong chương trình đào tạo SV được học kiến thức chuyên sâu về các biện pháp tránh thai vào các năm học thứ ba, tư. Các sinh viên năm nhất chưa được tiếp cận nhiều với các thông tin về các biện pháp tránh thai trong quá trình học tập. Do đó, các chương trình ngoại khóa cung cấp kiến thức về các biện pháp tránh thai nên được tổ chức cho đối tượng sinh viên ngay từ năm đầu.

Sinh viên ở cùng gia đình có thái độ tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với sinh viên không sống cùng gia đình nhưng sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê với  $p > 0,05$ . Giải thích điều này có thể do thay đổi thái độ về các biện pháp tránh thai không những cần tác động vào một yếu tố mà cần tác động vào nhiều yếu tố khác nhau trong đó có các điều kiện để thay đổi hành vi, vì vậy, thay đổi thái độ thường chậm hơn.

Nghiên cứu chưa tìm thấy sự khác biệt có ý nghĩa thống kê giữa thái độ và các yếu tố dân tộc, tôn giáo. Kết quả cũng tương tự nghiên cứu của Nguyễn Thanh Phong và cộng sự [3]. Lý giải điều này theo chúng tôi hiện nay người dân nói chung cũng như các bạn trẻ nói riêng có nhiều cơ hội hơn để tiếp cận với các thông tin văn hóa, xã hội, trong đó có các thông tin về sức khỏe sinh sản và các biện pháp tránh thai. Bên cạnh đó, các chương trình truyền thông, giáo dục sức khỏe sinh sản hiện nay cũng được triển khai rộng rãi trong cả nước nên thái độ của sinh viên theo dân tộc, tôn giáo không có sự khác biệt có ý nghĩa thống kê.

Kết quả nghiên cứu cho thấy sinh viên có/đã có người yêu có thái độ tốt về biện pháp tránh thai cao hơn so với sinh viên chưa có người yêu, tuy nhiên sự khác biệt chưa có ý nghĩa thống kê với  $p > 0,05$ . Giải thích điều này có thể do các sinh viên khi đang/đã có người yêu quan tâm nhiều hơn đến các vấn đề sức khỏe sinh sản để đảm bảo một tình yêu trong sáng, bền vững, vì

vậy, họ sẽ tìm hiểu các thông tin về các biện pháp tránh thai nhiều hơn.

Tỷ lệ sinh viên nhận thông tin về biện pháp tránh thai từ báo chí/truyền hình; internet có thái độ tốt về các biện pháp tránh thai cao hơn so với các sinh viên khác, sự khác biệt có ý nghĩa thống kê với  $p < 0,05$ . Kết quả cũng chỉ ra rằng những sinh viên nhận được thông tin từ gia đình, bạn bè có thái độ tốt hơn về biện pháp tránh thai cao hơn so với nhóm sinh viên còn lại, tuy nhiên sự khác biệt không có ý nghĩa thống kê với  $p > 0,05$ . Trường học, trung tâm tư vấn cũng là nguồn thông tin rất quan trọng liên quan đến thái độ về các biện pháp tránh thai. Đây cũng là những kênh truyền thông cung cấp kiến thức về các biện pháp tránh thai tốt đến giới trẻ; tuy nhiên các nguồn thông tin này chưa tác động tốt được vào thái độ của sinh viên về các biện pháp tránh thai.

## V. KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu trên 240 nữ sinh viên điều dưỡng, kết quả cho thấy thái độ của sinh viên về các biện pháp tránh thai còn chưa đầy đủ. Kết quả cho thấy có 45,8% sinh viên có thái độ về các biện pháp tránh thai đạt loại tốt. Đối với sinh viên năm thứ nhất, hai có thái độ về các biện pháp tránh thai đạt được còn thấp so với các sinh viên năm ba, bốn, từ đó cho thấy cần tăng cường nâng cao thái độ của sinh viên về biện pháp tránh thai ngay từ những năm học đầu tiên trước khi sinh viên bước vào các kỳ thực tập lâm sàng tại các bệnh viện. Vì vậy, hi vọng kết quả nghiên cứu có thể góp phần xác định thực trạng thái độ của nữ sinh viên điều dưỡng về các biện pháp tránh thai và các yếu tố liên quan, từ đó có hướng xây dựng chương trình giáo dục phù hợp trong giai đoạn hiện nay.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. **Hoàng Thị Bắc** (2020), Kiến thức thái độ về các biện pháp tránh thai của sinh viên điều dưỡng trường đại học Kỹ thuật y tế Hải Dương. Tạp chí Điều dưỡng, trang 63-68.
2. **Nguyễn Thanh Bình, Kiều Thu Trang, Đào Văn Tùng** (2023), Kiến thức, thái độ, thực hành và một số yếu tố liên quan về một số biện pháp tránh thai của khối sinh viên y học dự phòng Trường Đại học Y Dược Hải Phòng năm 2022, Tạp chí Y học dự phòng, 33(1 Phụ bản).
3. **Nguyễn Thanh Phong** (2017). Nghiên cứu kiến thức, thái độ, thực hành về các biện pháp tránh thai của sinh viên một số trường đại học/cao đẳng thành phố Hà Nội và hiệu quả giải pháp can thiệp. Luận án Tiến sĩ Y học.
4. **Nguyễn Tân Thạch, Nguyễn Thị Phương Trinh, Nguyễn Thị Mỹ Hiếu và cộng sự** (2023), "Kiến thức về các biện pháp tránh thai và các yếu tố liên quan ở sinh viên khối ngành Khoa

học sức khỏe". Tạp Chí Khoa học và Công nghệ - Đại học Đà Nẵng, tập 21, số 7, trang 89-93.

5. **Ahmed F.A., Moussa K.M., Petterson K.O. et al** (2012). Assessing knowledge, attitude, and practice of emergency contraception: a cross-sectional study among Ethiopian undergraduate female students. *BioMed Central Public Health* 2012, 12(110), 1-9.
6. **Oo, M. S., Ismail, N. B. M., Ean, W. R.,**

**Hamid, H. A., & Affendi, N. R.** (2019). Knowledge, attitude and perception of contraception among medical students in Universiti Putra Malaysia. *Malaysian Journal of Public Health Medicine*, 19(2), 11-19.

7. **United Nations International Children's Emergency Fund (UNICEF)**, "Việt Nam SDG CW 2020-2021", United Nations International Children's Emergency Fund, 2021.

## MỐI LIÊN QUAN GIẢI PHẪU GIỮA DÂY CHẰNG NGANG CỔ TAY VỚI THẦN KINH GIỮA VÀ CUNG ĐỘNG MẠCH GAN TAY NÔNG

Nguyễn Thanh Vân<sup>1</sup>, Nguyễn Tiên Huy<sup>2</sup>,  
Nguyễn Vũ Quang Lâm<sup>3</sup>, Lê Quang Tuyền<sup>3</sup>

### TÓM TẮT

**Mục tiêu:** Mô tả mối liên quan giữa DCNCT với thần kinh giữa, nhánh quặt ngược ô mô cái của thần kinh giữa và cung động mạch gan tay nông trên xác người Việt trưởng thành. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** Nghiên cứu cắt ngang mô tả được thực hiện trên 16 tiêu bản xác tươi của người Việt trưởng thành được bảo quản lạnh. **Kết quả:** Khoảng cách từ thần kinh giữa đến củ xương thuyền và củ xương thang có giá trị trung bình lần lượt là  $14,6 \pm 2,2$  mm và  $12,0 \pm 2,3$ . Độ sâu từ DCNCT đến thần kinh giữa tại vị trí bờ gần, giữa và bờ xa DCNCT có kết quả trung bình lần lượt là  $1,6 \pm 0,4$  mm;  $1,9 \pm 0,3$  mm và  $2,3 \pm 0,3$  mm. Kết quả ghi nhận 100% nhánh quặt ngược ô mô cái của thần kinh giữa tách ra ở dưới bờ xa DCNCT và nằm bên ngoài đường kẻ dọc, hướng về ô mô cái. Khoảng cách từ bờ xa DCNCT đến cung động mạch gan tay nông theo đường kẻ dọc là  $25,0 \pm 4,3$  mm. **Kết luận:** Nghiên cứu chúng tôi đã cung cấp một số thông tin hữu ích về mối liên quan giữa DCNCT với thần kinh giữa và cung động mạch gan tay nông. Điều này có thể giúp ngăn ngừa các biến chứng cụ thể khi thực hiện phẫu thuật giải phóng ống cổ tay.

**Từ khóa:** Dây chằng ngang cổ tay, thần kinh giữa, nhánh quặt ngược ô mô cái của thần kinh giữa, cung động mạch gan tay nông.

### SUMMARY

#### ANATOMICAL RELATIONSHIPS OF THE TRANSVERSE CARPAL LIGAMENT WITH THE MEDIAN NERVE AND THE SUPERFICIAL PALMAR ARCH

**Objective:** To describe the anatomical relationships of the TCL with the median nerve, the recurrent branch of the median nerve, and the

superficial palmar arch in adult Vietnamese cadavers. **Subjects and methods:** A descriptive cross-sectional study was conducted on 16 fresh adult Vietnamese cadavers preserved through cold storage. **Results:** The distance from the median nerve to the scaphoid tubercle and the trapezium tubercle was  $14.6 \pm 2.2$  mm and  $12.0 \pm 2.3$  mm, respectively. The depth from the TCL to the median nerve at the proximal, mid, and distal borders of the TCL measured  $1.6 \pm 0.4$  mm,  $1.9 \pm 0.3$  mm, and  $2.3 \pm 0.3$  mm, respectively. The study recorded that 100% of the recurrent branches of the median nerve originated below the distal border of the TCL and lay outside a longitudinal line, projecting towards the thenar eminence. The distance from the distal border of the TCL to the superficial palmar arch along a longitudinal line was  $25.0 \pm 4.3$  mm. **Conclusion:** Our study provides valuable insights into the anatomical relationships of the TCL with the median nerve and the superficial palmar arch. These findings may help reduce specific complications during carpal tunnel release surgery. **Keywords:** Transverse carpal ligament, median nerve, recurrent branch of the median nerve, superficial palmar arch.

### I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Hội chứng ống cổ tay là tình trạng thần kinh giữa bị chèn ép khi đi qua ống cổ tay, chiếm 90% tổng số bệnh lý thần kinh.<sup>1</sup> Hội chứng ống cổ tay xuất hiện trong 3,8% dân số nói chung, phụ nữ có nguy cơ mắc bệnh gấp 3 lần nam giới, có thể xảy ra ở mọi lứa tuổi nhưng tập trung chủ yếu ở 40-60 tuổi.<sup>2,3</sup> Ở Việt Nam chưa có thống kê chính thức về tỉ lệ mắc hội chứng ống cổ tay. Tuy nhiên, hội chứng này có tỉ lệ mắc tăng theo cấp số nhân và tăng lên từ thập kỷ này sang thập kỷ khác do nhu cầu công việc sử dụng tính linh hoạt của cổ tay ngày càng nhiều, cùng với sự phát triển của các phương tiện chẩn đoán hiện đại như điện sinh lý thần kinh, siêu âm giúp cho việc phát hiện bệnh được sớm hơn.<sup>3,4</sup>

Phẫu thuật cắt dây chằng ngang cổ tay (DCNCT) là phương pháp điều trị hội chứng ống

<sup>1</sup>Trường Y Dược Đại học Trà Vinh

<sup>2</sup>Phòng Khám Chuyên khoa PTTM Saigon Venus

<sup>3</sup>Trường Đại học Y khoa Phạm Ngọc Thạch

Chịu trách nhiệm chính: Lê Quang Tuyền

Email: tuyenlq2000@gmail.com

Ngày nhận bài: 6.2.2025

Ngày phản biện khoa học: 20.3.2025

Ngày duyệt bài: 10.4.2025